

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng
Dự án thành phần “Xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng Vườn quốc gia Ba Vì”
thuộc dự án “Xây dựng cơ sở hạ tầng các đơn vị Vườn quốc gia và Kiểm lâm”**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Quyết định số 3076/QĐ-BNN-KH ngày 14/7/2021 và số 4064/QĐ-BNN-KH ngày 26/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án “Xây dựng cơ sở hạ tầng các đơn vị Vườn quốc gia và Kiểm lâm”;

Xét đề nghị của Tổng cục Lâm nghiệp tại Văn bản số 356/TCLN-KHTC ngày 14/3/2023 và của Vườn quốc gia Ba Vì tại Tờ trình số 38/TTr-VQG-KH,TC ngày 28/02/2023 về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án thành phần “Xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng Vườn quốc gia Ba Vì” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình (tại Báo cáo thẩm định số 328 /BC-XD-TĐ ngày 16 /3/2023) và Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án thành phần “Xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng Vườn quốc gia Ba Vì” với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án:

Dự án thành phần “Xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng Vườn quốc gia Ba Vì” thuộc dự án “Xây dựng cơ sở hạ tầng các đơn vị Vườn quốc gia và Kiểm lâm”.

2. Loại, nhóm dự án, cấp công trình:

- Loại dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Nhóm dự án: Nhóm B.

- Cấp công trình: Cấp III miền núi

3. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

4. Đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án: Tổng cục Lâm nghiệp.

5. Chủ đầu tư dự án thành phần (từ giai đoạn thực hiện dự án đến kết thúc dự án): Vườn quốc gia Ba Vì.

6. Đơn vị tư vấn khảo sát, lập dự án:

- Liên danh Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng Phát triển nông thôn – Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Công nghiệp Sông Vân.

- Chủ nhiệm thiết kế: KS Dương Quang Tuấn.

7. Mục tiêu đầu tư:

Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cổng Vườn lên cao trình 400 nhằm đảm bảo an toàn cho người và phương tiện lưu thông, phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.

8. Địa điểm xây dựng: Vườn quốc gia Ba Vì, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

9. Quy mô, nội dung đầu tư:

Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cổng Vườn lên cao trình 400, dài khoảng 5.509,11m và các công trình phụ trợ trên đường; đường cấp III miền núi.

10. Các giải pháp thiết kế cơ sở chủ yếu:

10.1. Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cổng Vườn lên cốt 400:

- Điểm đầu tuyến Km 6+480 (khu xử lý nước cốt 400), điểm cuối tuyến Km11+989,11 (khu cổng vào Vườn Quốc gia).

- Cấp hạng tuyến đường: Cấp III miền núi (theo Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 4054 – 2005) có châm thước một số yếu tố hình học của bình đồ, trắc dọc và bề rộng nền đường; cao độ thiết kế đảm bảo tần suất thiết kế 4%.

- Vận tốc thiết kế: 30km/h (châm thước do địa hình núi khó)

- Tải trọng trục tiêu chuẩn: Trục đơn 10T.

- Độ dốc dọc lớn nhất: $I_{\max} \leq 7\%$, (châm thước cho phép 11%)

- Độ dốc siêu cao lớn nhất: $I_{sc} \leq 6\%$, i_{ngang} theo quy định.

- Bán kính cong nằm nhỏ nhất $R=30m$ (châm trước cho phép $R = 15m$)
- Bán kính nhỏ nhất thông thường: $R=60m$.
- Bán kính không cần cầu tạo siêu cao: $R = 350m$.
- Chiều dài đoạn đôi dốc tối thiểu: $L=60m$.
- Bán kính cong đứng lồi tối thiểu $R=400m$.
- Bán kính cong đứng lồi tối thiểu thông thường $R=600m$
- Bán kính cong đứng lõm tối thiểu $R=250m$.
- Bán kính cong đứng lõm tối thiểu thông thường $R=400m$
- Mô đun đàn hồi yêu cầu: $E_{y/c} \geq 100 \text{ Mpa}$.
- Nền đường: $B_{\text{nền}} = 9m$ (chưa kể mở rộng trong đường cong); đào, đắp mở rộng nền đường đạt tiêu chuẩn thiết kế, độ đầm chặt $K \geq 0,95$; lớp đất dày 50cm dưới đáy kết cấu áo đường đảm bảo độ đầm chặt $K \geq 0,98$.
- Mặt đường: rộng 6m (chưa kể mở rộng trong đường cong), kết cấu như sau:
 - + Mặt đường làm mới: Rải bê tông nhựa chặt C12,5 dày 6cm, tưới nhựa dính bám $1kg/m^2$, móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 25cm.
 - + Mặt đường tăng cường trên mặt đường cũ: Rải bê tông nhựa chặt C12,5 dày 6cm, tưới nhựa dính bám $0,5kg/m^2$, bù vênh bằng bê tông nhựa C37,5 hoặc cấp phối đá dăm loại 1; tưới nhựa dính bám $1kg/m^2$.
- Lề đường: (như kết cấu mặt đường làm mới)
 - + Rộng $2 \times 1,5m$; trong đó: Gia cố lề rộng $2 \times 0,5m$; phần lề còn lại ($2 \times 1m$) đắp đất.
 - + Riêng đoạn lề đường khu vực cốt 400 và khu vực công vườn (Barie mới): Gia cố lề đến sát mép rãnh dọc (phía ta luy dương) và rộng 1,25m (phía ta luy âm); phần lề còn lại ($0,25m$ phía ta luy âm) đắp đất
- Rãnh dọc:
 - + Rãnh hở, tiết diện hình thang, $B \times H = 40 \times 40cm$; xây đá hộc vữa xi măng;
 - + Riêng đoạn rãnh tại khu vực cốt 400 và khu vực công vườn (Barie mới) sử dụng rãnh bê tông, nắp đậy tấm đan BTCT
- An toàn giao thông: Theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia báo hiệu đường bộ QCVN 41:2012/BGTVT.

10.2. Công trình phụ trợ trên đường:

a) Công trình thoát nước ngang đường: Công trình vĩnh cửu, tải trọng thiết kế H30-XB80 (phù hợp với tải trọng thiết kế các cống cũ hiện có); tổng số khoảng 11 vị trí, trong đó: Xây mới (03 vị trí); tận dụng các cống cũ hiện có và nối dài cống (08 vị trí).

b) Công trình phòng hộ:

- Tường chắn mái dốc ta luy âm và ta luy dương: Bằng BTXM, chiều cao tường chắn tùy theo địa hình, cấu tạo thoát nước sau tường chắn theo quy định.

- Đường cứu nạn: Toàn tuyến bố trí 01 đường cứu nạn tại vị trí km 8+800; đoạn đường dẫn sử dụng kết cấu mặt đường làm mới, đoạn đường đệm giảm tốc bằng cuội sỏi.

- Gờ chắn nước: Dài 4.961m (phía ta luy âm suốt chiều dài tuyến) kết hợp rãnh thu nước mặt (tại những vị trí thích hợp) bằng bê tông xi măng.

c) Bãi đỗ xe: Cải tạo, mở rộng bãi hiện có (tại cốt 400) từ 800m² lên thành khoảng 2.000m²; mặt bãi đỗ BTXM trên lớp cấp phối đá dăm loại 1.

d) Nút giao: Bố trí các nút giao cùng mức và vuốt nổi bằng bê tông nhựa chặt hoặc bê tông xi măng.

11. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng:

a) Số bước thiết kế : 02 bước, thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

b) Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng:

- Các Quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 11: 2008/BTN-MT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới cao độ; QCVN 41:2012/BGTVT – Điều lệ báo hiệu đường bộ.

- Các Quy trình, quy phạm: Quy trình khảo sát đường ô tô 22 TCN 263-2000; Quy trình khảo sát địa chất công trình và thiết kế biện pháp ổn định nền đường và vùng có hoạt động sạt trượt: 22 TCN 171:1987; Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình: 96-TCN 43-90.

- Các tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 4054-2005 – Đường ô tô; 22 TCN 211-06 Áo đường mềm; TCVN 8810:2011 – Đường cứu nạn ô tô; TCVN 2737:2020 -Tải trọng và tác động; TCVN 9116:2012 Công hợp BTCT; TCVN 9113:2012 - Ống BTCT thoát nước; TCVN 5573:2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá có cốt thép.

- Các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn thiết kế xây dựng khác có liên quan.

12. Tổng mức đầu tư:

- Áp dụng định mức xây dựng theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng, các Quyết định số 1265/QĐ-SXD ngày 31/12/2021 và số 935/QĐ-SXD ngày 30/12/2022 của Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội công bố đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

- Các khoản mục chi phí khác có liên quan xác định theo các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính...

- Tổng mức đầu tư dự án thành phần lập theo quy định tại Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ và các thông tư hướng dẫn hiện hành; giá vật tư, vật liệu quý I/2023 do Sở Xây dựng TP Hà Nội công bố (số 01.01/2023/CBGVL-SXD ngày 28/02/2023) và báo giá của các đơn vị cung cấp là phù hợp với mặt bằng giá thị trường khu vực dự án tại thời điểm lập TMĐT.

- Tổng mức đầu tư được duyệt: 80.000.000.000 đồng

(Tám mươi tỷ đồng chẵn)

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng:	62.156.821.000 đồng;
+ Chi phí quản lý dự án:	1.484.926.000 đồng;
+ Chi phí tư vấn ĐTXD	3.987.428.000 đồng;
+ Chi phí khác:	937.811.000 đồng;
+ Chi phí dự phòng:	11.433.014.000 đồng;

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Ngân sách Nhà nước do Bộ Nông nghiệp và PTNT được giao quản lý.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án.

15. Tiến độ thực hiện dự án thành phần: 04 năm.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ:**a) Tổng cục Lâm nghiệp (Cục Kiểm lâm):**

- Đầu mối, chủ trì tổng hợp trình Bộ điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (nếu có) và tổng hợp báo cáo Bộ các nội dung liên quan đến toàn bộ dự án đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ trong đầu tư toàn dự án.
- Lập hồ sơ nghiệm thu và trình duyệt quyết toán giai đoạn chuẩn bị dự án.
- Cung cấp các hồ sơ, tài liệu có liên quan ở giai đoạn chuẩn bị dự án cho Vườn quốc gia Ba Vì để triển khai các bước tiếp theo.
- Hoàn chỉnh hồ sơ Báo cáo NCKT theo nội dung được duyệt tại Quyết định này và các ý kiến được nêu trong Báo cáo kết quả thẩm định của Cục Quản lý xây dựng công trình.
- Lưu trữ hồ sơ giai đoạn chuẩn bị dự án và các nhiệm vụ khác theo quy định.

b) Vườn quốc gia Ba Vì:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng về việc tổ chức quản lý thực hiện và nhiệm vụ của chủ đầu tư dự án thành phần theo quy định.
- Tổ chức quản lý và thực hiện dự án thành phần theo đúng nội dung Quyết định đầu tư, các quy định hiện hành của Nhà nước, của địa phương về quản lý dự án đầu tư, quản lý chi phí đầu tư và quản lý chất lượng công trình xây dựng đảm bảo đưa công trình vào khai thác sử dụng đúng mục đích, an toàn, có hiệu quả.
- Trình Bộ (qua Cục Quản lý xây dựng công trình) thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án thành phần, phù hợp với kế hoạch thực hiện và nguồn vốn được cấp, tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt và các quy định hiện hành.
- Tổ chức lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình, trình Cục Quản lý xây dựng công trình thẩm định theo quy định trước khi phê duyệt; tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình theo đúng quy định; lưu ý: Tính toán, so chọn giải pháp thiết kế tường chắn (bê tông hoặc rọ đá học xếp khan...) đảm bảo an toàn công trình và hiệu quả kinh tế.

- Làm việc với các cơ quan quản lý xây dựng, phòng cháy chữa cháy, cấp điện, cấp, thoát nước và công tác bảo vệ môi trường... tại địa phương về các thủ tục có liên quan theo quy định.

- Chủ trì lập hồ sơ thanh, quyết toán kinh phí giai đoạn thực hiện và kết thúc xây dựng dự án thành phần theo quy định;

c) Vụ Kế hoạch: Tham mưu Bộ bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước theo tiến độ thực hiện dự án thành phần và kế hoạch vốn trung hạn được duyệt.

d) Vụ Tài chính: Chủ trì quyết toán niên độ, hoàn thành dự án thành phần; hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện thủ tục về thanh lý tài sản theo quy định (nếu có).

e) Cục Quản lý xây dựng công trình: Thực hiện nhiệm vụ cơ quan chủ trì thẩm định và cơ quan chuyên môn về xây dựng, thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giúp Bộ trưởng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Cục trưởng Cục Kiểm Lâm, Giám đốc Vườn quốc gia Ba Vì và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr Nguyễn Quốc Trị;
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- Kho bạc NN (TƯ và ĐP);
- Lưu VT, XD (09b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp